

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 17/5/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên và bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-DS ngày 27/10/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hà Thị L**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ *, phường H, TP B, tỉnh Thái B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: luật sư Phạm Huy H Văn phòng Luật sư Huy H và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái B

Địa chỉ: số *, phường Q, TP T, tỉnh Thái B.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Tuấn B**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đào Quang Ngh -Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Vũ Thị Th**, sinh năm 1970 (vợ ôngB)

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Kiến Xương, tỉnh TháiB.

4. *Người làm chứng:* ông **Đào Hồng Th**, sinh năm 1949

Địa chỉ: xóm *, xã Đ, TP Thái B, tỉnh TháiB.

(bàL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H và ông Ngh có mặt, ông B và bà Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị L trình bày:

Do quen biết với ông Phạm Tuấn B cùng là thành viên hội xe lăn- là hội tự phát tại TP TháiB, nên bà có cho ôngB vay tiền: lần thứ nhất vào ngày 24/8/2019 nội dung ôngB ghi: hôm nay ngày 24/8/2019 tôi Phạm Tuấn B và vợ tôi là Vũ Thị Th, có vay của chị Hà Thị L số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất thỏa thuận, hình thức thanh toán trả lãi vào 25 hàng tháng (dương lịch), trong lúc vợ chồng tôi vay tiền của chị Hà Thị L đầu óc hoàn toàn minh mẫn. Chúng tôi thống nhất trao cho chịL một bìa đỏ nhà đất....số tiền vay trên trong thời gian 3 tháng tôi sẽ hoàn trả, nếu không thanh toán đúng hạn chị Hà Thị L và hội thương binh có quyền thu hồi tài sản, người vay ông Phạm Tuấn B ký ghi rõ họ tên, người chứng kiến ông Đào Hồng Th ký ghi rõ họ tên. Lần thứ hai vào ngày 10/9/2019, nội dung giấy vay tiền ôngB ghi: hôm nay ngày 10/9/2019 tôi Phạm Tuấn B nhận vay tiếp của chị Hà Thị L số tiền là 150.000.000 đồng, tổng hai đợt là 200.000.000 đồng thanh toán gốc ngày 20/12/2019, người vay ông Phạm Tuấn B ký ghi rõ họ tên.

Nguồn gốc số tiền bà cho ôngB vay ban đầu là tiền của bà và của một số thành viên hội xe lăn, sau đó do ôngB không trả nên bà đã dùng tiền cá nhân trả cho các thành viên trong hội, do vậy bà xác định số tiền 200.000.000 đồng ôngB còn nợ là tiền của bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu ôngB trả số tiền trên nhưng ôngB không trả và có lời lẽ đe dọa đối với bà. Trong giấy vay tiền ngày 24/8/2019 có ghi tên bà Th (vợ ôngB) song bà Th không có mặt, cũng không nhận tiền nhưng theo bà ôngB sử dụng số tiền vay để lo cho gia đình nên yêu cầu ôngB và bà Th phải trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng theo hai giấy vay tiền trên.

Về lãi suất: sau khi vay tiền, ôngB đã đưa cho ông Đào Hồng Th tổng số tiền 16.000.000 đồng để trả lãi cho bà, nay bà không yêu cầu trả thêm tiền lãi.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện có nội dung như trên, đề nghị Tòa án buộc ôngB trả cho bàL 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả thêm tiền lãi, ôngB phải chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các giấy báo, hướng dẫn viết bản tự khai cho bị đơn, nhưng ông Phạm Tuấn B không đến Tòa án làm việc theo giấy báo và gửi đơn đề nghị với nội dung sau: ông là bệnh nhân tâm thần phân liệt, ông không vay tiền của bà Hà Thị L mà chỉ vay tiền 40.000.000 đồng của ông Đào Hồng Th, do ông Th tính lãi suất cao nên đã ép ông viết giấy vay tiền 120.000.000 đồng, sau đó lại tiếp tục ép ông viết giấy vay với số tiền 200.000.000 đồng do thần kinh không ổn định nên ông đã phải viết giấy theo yêu cầu của ông Th, ông đã trả vượt quá số tiền vay cho ông Th. ÔngB gửi các tài liệu gồm Sổ điều trị ngoại trú tâm thần, Giấy xác nhận người khuyết tật, Sổ khám chữa bệnh; bản phô tô các giấy vay, nhận tiền, cụ thể như sau:

Ngày 9/8/2018 ông Phạm Tuấn B vay của ông Đào Hồng Th số tiền 120.000.000 đồng, hẹn 09/9/2018 sẽ trả thanh toán với lãi xuất 2000đ/1.000.000 đ/ ngày;

Ngày 31/1/2019 ông Th nhận của ôngB 20.000.000 đồng;

Ngày 21/7/2019 ông Th nhận của ôngB 10.000.000 đồng;

Ngày 24/8/2019 ông Th nhận của ôngB 20.000.000 đồng;

Ngày 10/9/2019 ông Th nhận của ôngB 100.000.000 đồng;

Ngày 10/10/2019 ông Th nhận củaB 6.000.000 đồng trả lãi cho bàL.

Giấy ghi nội dung: hôm nay ngày 10/10/2019 tổng số tiền chúB trả nợ năm 2017/2018/2019 là 150.000.000 đồng một trăm năm mươi triệu, còn nợ lại là 56.000.000 đ năm mươi sáu triệu.

Giấy ghi nội dung: anhB đã trả tổng thể 16.000.000 đồng của 3 tháng từ 10/9 đến 10/12 còn lại 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) hẹn 30/12 trả hết, bàL thừa nhận nội dung này do bà viết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định của pháp luật; do ôngB là người khuyết tật nên đề nghị được miễn án phí.

Bà Vũ Thị Th là vợ của ông Phạm Tuấn B trình bày: bà không biết việc ôngB vay tiền của bà Hà Thị L, không biết ông sử dụng số tiền đã vay vào việc gì, ôngB cũng không nói cho bà biết nên bà không liên quan. Ông, bà đã nhận được các văn bản của

Tòa án nhưng không đến làm việc vì bà không liên quan đến việc này, còn ông B cho rằng đã trả vượt quá số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình sinh sống ông B không có biểu hiện bất thường, đôi lúc có nóng nảy. Tòa án đã tổng đạt văn bản giải thích, hướng dẫn cho những người có quyền, lợi ích liên quan về việc có yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phạm Tuấn B mất năng lực hành vi dân sự không, nhưng không ai yêu cầu.

Người làm chứng ông Đào Hồng Th trình bày: ông là hội trưởng hội thương binh năng tại thành phố Thái B, bà L là thủ quỹ hội còn ông B đang xin gia nhập hội nên có quen biết nhau. Ngày 24/8/2019 và 10/9/2019 ông có chứng kiến bà L cho ông B vay tiền như bà L trình bày nhưng ông chỉ ký vào biên bản vay tiền ngày 24/8/2019. Sau khi vay tiền ông B trả lãi cho bà L hai lần như bà L trình bày ở trên. Nguồn gốc số tiền bà L cho ông B vay là của quỹ hội, khi ông B không trả nợ theo thỏa thuận thì bà L đã lấy tiền cá nhân trả cho quỹ hội, do vậy ông B phải trả số tiền đã vay cho bà L, ông chỉ ký với tư cách là người làm chứng, không liên quan đến việc vay tiền giữa ông B và bà L. Việc ông B cho rằng ông ép ông B ký vào hai giấy vay tiền ngày 24/8/2019 và 10/9/2019 của bà L là sai sự thật, việc ông B vay tiền của ông và vay tiền của bà L là hai khoản khác nhau. Do sức khỏe yếu nên ông đề nghị vắng mặt.

Ngày 04/01/2023 Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Phạm Tuấn B trong hai giấy vay tiền do bà L giao nộp tại Viện khoa học hình sự- Bộ Công an. Tại Kết luận giám định số 07/KL-KTHS ngày 10/02/2023 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Tuấn B dưới mục “ người vay tiền” trong mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký dưới mục “ người vay” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Tuấn B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q, huyện Kiến Xương: ông Phạm Tuấn B đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật (tâm thần). Quá trình sinh sống tại địa phương ông B không có biểu hiện gì của người mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hàng ngày ông B vẫn lao động được, giao tiếp, thực hiện các giao dịch dân sự như người B thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, áp dụng điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L, buộc ông Phạm Tuấn B phải trả cho bàL số tiền gốc đã vay 200.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bàL không yêu cầu ôngB phải trả thêm tiền lãi.

Về chi phí giám định: ôngB phải chịu 5.800.000 đồng chi phí giám định.

Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Hà Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người khuyết tật nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Bà Hà Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Tuấn B có nơi cư trú tại xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương trả số tiền vay 200.000.000 đồng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: theo hai giấy vay tiền thì thời hạn trả nợ là ngày 24/11/2019 và ngày 20/12/2019. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm, ngày 26/9/2022 bàL nộp đơn tại Tòa án nên yêu cầu của bàL nằm trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Tòa án đã tổng đạt văn bản giải thích, hướng dẫn cho những người có quyền, lợi ích liên quan về việc có yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phạm Tuấn B mất năng lực hành vi dân sự không, nhưng không ai yêu cầu nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[5] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[6] Về thời gian vay và số tiền vay: ôngB cho rằng ông không vay tiền của bàL là không có cơ sở vì trong tài liệu ông giao nộp có nội dung ghi: ngày 10/10/2019 ông Th nhận củaB 6.000.000 đồng trả lãi cho bàL và nội dung bàL ghi đã nhận của ôngB 16.000.000 đồng tiền lãi. Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 24/8/2019 và ngày 10/9/2019 do bàL giao nộp, Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, lời khai của người làm chứng và tài liệu do chính ôngB giao nộp có đủ căn cứ kết luận, ngày 24/8/2019 ôngB vay của bàL 50.000.000 đồng, ngày 10/9/2019 ôngB vay bàL 150.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Ngoài ra ôngB cho rằng việc ông ký vào hai giấy vay tiền trên là do ông bị ép buộc nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

[7] Về việc trả nợ: bàL yêu cầu ôngB và bà Th trả toàn bộ số tiền gốc đã vay, ôngB cho rằng đã trả vượt quá số tiền 200.000.000 đồng cho ông Đào Hồng Th. Qua lời khai của người làm chứng, các tài liệu do ôngB giao nộp thì giữa ôngB và ông Th có quan hệ vay mượn từ năm 2017 trước thời điểm bàL cho ôngB vay, các lần ông Th nhận tiền của ôngB không liên quan đến khoản vay của bàL mà chỉ có nội dung bàL ghi đã nhận của ôngB 16.000.000 đồng tiền lãi. Do đó có đủ cơ sở kết luận ôngB chưa trả bàL 200.000.000 đồng đã vay ngày 24/8/2019 và 10/10/2019.

[8] Về số tiền lãi: theo giấy vay tiền ngày 24/8/2019, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; giấy vay tiền ngày 10/9/2019 thời hạn thanh toán gốc là 20/12/2019, không thỏa thuận lãi suất. Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để giải quyết. Theo mức lãi suất 10%/ năm tính từ thời điểm vay thì tổng số tiền lãi ôngB phải trả là 73.700.000 đồng, ôngB đã trả 16.000.000 đồng, bàL không yêu cầu ôngB trả thêm tiền lãi nên HĐXX không xem xét.

[9] Về nghĩa vụ trả nợ: quá trình giải quyết nguyên đơn yêu cầu ôngB và bà Th phải có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng tuy nhiên khi bàL cho ôngB vay tiền, bà Th không biết, bàL cũng không chứng minh được ôngB sử dụng số tiền đã vay vào việc chi tiêu chung trong gia đình; tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn yêu cầu ôngB có nghĩa vụ trả nợ cho bàL. Do vậy HĐXX xác định nghĩa vụ trả nợ là của riêng ôngB.

[10] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị L, buộc ông Phạm Tuấn B trả cho bàL tổng số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bàL về việc không yêu cầu trả thêm tiền lãi.

[11] Ngày 24/8/2019 khi ôngB vay tiền của bàL có giao cho bàL một giấy đề “ hồ sơ xác minh nguồn gốc đất đai” mà không phải bìa đỏ như trong giấy vay tiền ôngB ghi, bàL xác định đây là giấy tờ không có giá trị nên không đề nghị Tòa án xem xét.

[12] Về chi phí giám định: do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bàL là có căn cứ nên ông Phạm Tuấn B phải chịu 5.800.000 đồng chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bàL đã nộp nên ôngB phải hoàn trả cho bàL số tiền này.

[13] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Tuấn B là người khuyết tật nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L: buộc ông Phạm Tuấn B phải trả cho bà Hà Thị L số tiền nợ gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bàL về việc không yêu cầu ôngB trả thêm tiền lãi.

2. Về chi phí giám định: ông Phạm Tuấn B phải hoàn trả cho bà Hà Thị L số tiền chi phí giám định là 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí: bà Hà Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại bà Hà Thị L số tiền tạm ứng 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00001741 ngày 27/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh TháiB.

Ông Phạm Tuấn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được

thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu: hồ sơ, vp.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ